

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS-ST
Ngày: 24-9-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thanh Thủy**
2. Ông **Nguyễn Hữu Đệ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hùng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 17/2019/TLST-DS ngày 18/02/2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/QĐXXST-DS ngày 19/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-DS ngày 06/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP SGTT**; trụ sở: Số 266 – 268 đường N K K N, Phường J, Quận L, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Nguyễn Khoa N** – Phó giám đốc trung tâm thẻ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Anh **Lê Anh T** – Nhân viên Ngân hàng TMCP SGTT. Có mặt anh T.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Quốc V**, sinh năm 1973; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn CĐ, xã HB, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội.

Hiện vắng mặt tại nơi cư trú.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 04/12/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT (Sau đây gọi tắt là Sacombank) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Sacombank và ông Nguyễn Quốc V ký hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/8/2016 (sau đây gọi là hợp đồng tín dụng). Số tiền vay: 200.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, lãi suất thời điểm vay là 2,15%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sacombank đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức 200.000.000 đồng cho ông V, sau khi được cấp ông V đã thực hiện nhiều giao dịch, tổng số tiền giao dịch là 215.508.796 đồng, số tiền ông V đã thanh toán cho Sacombank là 81.428.000 đồng. Ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Sacombank đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án Sacombank yêu cầu ông V phải trả ngay toàn bộ nợ gốc: 190.864.028 đồng, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn đến thời điểm xét xử.

Bị đơn là ông Nguyễn Quốc V đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên ông V không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện gia đình ông V: Bà Nguyễn Thị Kim T – mẹ ông V cung cấp ý kiến: Việc ông V vay tiền của Sacombank thế nào gia đình bà không biết. Ông V đã đi nước ngoài từ năm 2017 không về, không liên lạc gì với gia đình, hiện ông V ở đâu gia đình không biết.

Bà Trần Thị Y – vợ cũ của ông V cho biết: Bà không biết việc ông V vay tiền Sacombank, đó là khoản nợ riêng của ông V. Bà và ông V đã ly hôn từ năm 2017, đến nay bà cũng không biết ông V đang ở đâu.

Công an xã HB cung cấp: Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1973 đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn CD, xã HB. Tuy nhiên hiện nay ông V không còn cư trú tại địa phương. Theo thông tin công an xã nắm bắt được, ông V đã đi nước ngoài từ năm 2017 nhưng không biết đi nước nào và hiện đang ở đâu.

Theo công văn số 4762 ngày 28/3/2019, Cục xuất nhập cảnh – Bộ công an cung cấp: Ông Nguyễn Quốc V xuất cảnh lần cuối ngày 07/3/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, Sacombank vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định đây là khoản nợ của cá nhân ông V, xác định số tiền yêu cầu ông V phải trả như sau:

Tiền gốc 190.864.028 đồng, lãi trong hạn: 119.732.072 đồng, lãi quá hạn 59.866.162 đồng. Tổng cộng: 370.462.262 đồng. Buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 25/9/2019 đến khi trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là ông V hiện không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông V theo quy định. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông V là đúng quy định pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn tiền gốc, lãi tính đến ngày 24/9/2019 theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử đến khi trả xong toàn bộ nợ gốc. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hồ sơ pháp nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT, căn cứ mục đích vay vốn trong các hợp đồng tín dụng là vay tiêu dùng. Vì vậy Tòa án thụ lý vụ án dân sự với quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Quốc V đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn CD, xã HB, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Khi ký hợp đồng tín dụng với Sacombank ông V vẫn đang ở địa chỉ trên. Theo kết quả xác minh mà Tòa án thu thập được thì ông V đã xuất cảnh ngày 07/3/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi ông V đăng ký hộ khẩu thường trú đều xác định ông V đã đi nước ngoài từ năm 2017 nhưng hiện không rõ đang ở đâu và không liên lạc gì với gia đình. Sacombank cũng không biết hiện ông V đang ở đâu, khi ông V thay đổi nơi cư trú cũng không thông báo gì với Sacombank. Như vậy ông V đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình khi thay đổi nơi cư trú theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đây thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Do chỉ có thông tin ông V đang ở nước ngoài nhưng không biết đang ở nước nào, địa chỉ cụ thể ở đâu nên Tòa án nhân dân huyện Đông Anh tiếp tục giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án đã niêm yết các văn bản: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra

xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi ông Nguyễn Quốc V trả nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/8/2016 (hợp đồng tín dụng) nhận thấy:

[3.1]. Việc các bên tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc vay tiền thông qua hình thức cấp thẻ tín dụng là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, đúng quy định về hoạt động của ngân hàng thương mại quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; phù hợp quy định tại Khoản 7 Điều 16 Quyết định số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng dưới hình thức Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng là có căn cứ. Theo tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, số tiền gốc ông V còn nợ là 190.864.028 đồng, vì vậy yêu cầu về số tiền gốc của nguyên đơn phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3.2]. Về việc tính lãi: Theo thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng TMCP SGTT mức lãi suất của thẻ tín dụng quốc tế là 2,15%/tháng; Điều 23 của điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT, mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Xét yêu cầu về lãi suất trong hạn, quá hạn của nguyên đơn:

Khoản 2 Điều 91 Luật của các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Điều 11 và Khoản 2 Điều 13 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước quy định:

“Điều 11. Lãi suất cho vay

1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng”

“Điều 13. Trả nợ gốc và lãi vốn vay

2. Khi đến kỳ hạn trả nợ gốc hoặc lãi, nếu khách hàng không trả nợ đúng hạn và không được điều chỉnh kỳ hạn nợ gốc hoặc lãi hoặc không được gia hạn nợ gốc hoặc lãi, thì tổ chức tín dụng chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.”

Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 quy định: “Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận

đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả.”

Theo quy định tại Điều 20 Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Ngân hàng nhà nước, chủ thẻ phải thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ.

Việc nguyên đơn tính lãi suất của dư nợ của hợp đồng với mức lãi trong hạn 2,15%/tháng, lãi suất quá hạn 3,225%/tháng là phù hợp với thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng TMCP SGTT và Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước nên được chấp nhận.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền tính đến ngày 24/9/2019 của hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Tiền gốc: 190.864.028 đồng.

Lãi trong hạn: 119.732.072 đồng.

Lãi quá hạn 59.866.162 đồng.

Tổng cộng: 370.462.262 đồng

Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và quy định tại Án lệ số 08/2016/AL được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013, được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ sau ngày xét xử, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán của hợp đồng tín dụng, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và đề nghị phát hành thẻ tín dụng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005;
- Các Điều 26, 35, 39, 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;
- Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005;
- Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Ngân hàng nhà nước;
- Án lệ số 08/2016/AL;
- Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT đối với ông Nguyễn Quốc V.

Buộc ông Nguyễn Quốc V phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tính đến ngày 24/9/2019 là:

Tiền gốc: 190.864.028 (Một trăm chín mươi triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi tám) đồng.

Lãi trong hạn: 119.732.072 (Một trăm mười chín triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi hai) đồng.

Lãi quá hạn 59.866.162 (Năm mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi hai) đồng.

Tổng cộng: 370.462.262 (Ba trăm bảy mươi triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm sáu mươi hai) đồng.

Kể từ ngày 25/9/2019, ông Nguyễn Quốc V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán của Hợp đồng tín dụng theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi

suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Nguyễn Quốc V phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Quốc V phải chịu 18.523.000 (Mười tám triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT được số tiền 7.733.000 (Bảy triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0008257 ngày 15/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Quốc V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu trữ

Trần Quang Tuyền

